

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 209/2017/DS – PT

Ngày: 7/9/2017

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương.

Ông Bùi Thế Xương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre: Ông Phạm Văn Chánh – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 7 tháng 9 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2017/TLPT- DS ngày 13 tháng 6 năm 2017 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DS – ST ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 173/2017/QĐ – PT ngày 10 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hoàng H, sinh năm: 1955;

Địa chỉ: Số 19/12, đường N, khu phố M, phường L, quận 9, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Lê Hồng N, sinh năm: 1967; là người đại diện theo ủy quyền. (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 15/5/2015); (có mặt)

Địa chỉ: ấp Tân Thuận, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Luật sư Nguyễn Đình Phúc- Văn phòng luật sư Nguyễn Đình Phúc thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1971; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Luật sư Lê Văn L- Văn phòng luật sư Chiến L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bến Tre. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Đoàn Thị Út E, sinh năm; 1971;

2. Chị Nguyễn Đoàn Trúc L, sinh năm: 1993;

Cùng địa chỉ: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện hợp pháp của bà Út E và chị Trúc L: ông Nguyễn Văn C là người đại diện theo ủy quyền. (được ủy quyền theo văn bản ủy quyền ngày 03/7/2015); (có mặt)

-*Người làm chứng*: Ông Đặng Văn N, sinh năm: 1969;

Địa chỉ: ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- *Người kháng cáo*: bị đơn là ông Nguyễn Văn C.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm

Theo đơn khởi kiện đề ngày 19/4/2015, đơn khởi kiện bổ sung ngày 06/11/2015 của nguyên đơn là ông Lê Hoàng H cũng như lời trình bày trong các phiên hòa giải và tại phiên Tòa sơ thẩm của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Hồng N:

Phần đất của ông Lê Hoàng H có nguồn gốc là của ông Lê Văn H1 cho và ông H đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 1997 với diện tích 238m². Khi cho trên đất có nhà lá do ông H1 cất vào năm 1986. Phần đất giáp ranh đất ông H là của ông Nguyễn Trung H2, do nhà khu phố chợ nên gia đình ông H và ông H2 xài vách lá chung. Sau đó ông H2 bán đất cho ông Nguyễn Văn C. Khi gia đình ông C đến ở và cất nhà tường lán qua đất ông H nhưng do vách lá và ông H không có ở địa phương nên ông H không thấy. Vào tháng 3 năm 2015 ông H dỡ nhà mới phát hiện chân tường nhà ông C lán qua đất của ông H, qua đo đạc thực tế phần đất bị lán có diện tích là 8,9m². Phần đất tranh chấp chỉ phát sinh phần chân nền còn phần nóc nhà thì ông C xây dựng không có lán chiếm. Nay bà N được ông H ủy quyền yêu cầu hộ ông C trả lại diện tích bị lán chiếm phần mặt đất là 8,9m² cho ông H. Phần tường nhà ông C xây dựng ông H yêu cầu đập bỏ, ông H không đồng ý bồi thường.

Ông H không đồng ý yêu cầu phản tố của ông C, bà Út E, Trúc L vì ông H đang tranh chấp phần diện tích 8,9m² và ông H cũng không có thừa nhận tấm vách lá sau khi ông C xây tường là của ông C vì khi ông C xây nhà đã lấn ranh qua đất của ông H. Ngoài ra, họa đồ trích lục ngày 22/12/2003 ông H không có ký tên và cũng không có hiệp thương ranh.

Theo đơn phản tố ngày 21/12/2015 và lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa bị đơn là ông Nguyễn Văn C trình bày:

Phần đất ông C đang ở có nguồn gốc là ông mua vào năm 1995 của ông Nguyễn Trung H2, khi mua có đo đạc bằng dây. Ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2004. Khi mua đã có phần nhà ở giữa. Vào năm 1999 ông tiếp tục xây dựng bức tường phía ngoài khi xây tường ông dựa vào cột cây đã có sẵn. Năm 2011 ông tiếp tục xây dựng phần nhà phía sau, khi xây dựng không ai ngăn cản và cũng không có tranh chấp. Khi ông xây tường không có thỏa thuận ranh với ông H. Nay ông không đồng ý yêu cầu của ông H vì khi ông mua nhà ông H2 đã xây tường phần nhà ở giữa và ông xây dựng dựa trên ranh đất cũ giữa ông H và ông H2. Ông mua nhà của ông H2 có vách tường nhà giữa ông không biết dài bao nhiêu và cao bao nhiêu, khi mua vách tường đã tô xong. Vách tường như hiện tại ông đang sử dụng.

Ông yêu cầu ông Lê Hoàng H trả lại cho ông diện tích đất là 5,1m², tọa lạc tại thửa 138, 139, 140, tờ bản đồ số 32, ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. Với lý do khi xây vách tường có chừa lại vách lá và bà N thừa nhận tấm vách lá là của bên ông.

Sau khi hòa giải không thành Tòa án nhân dân huyện M đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Áp dụng Điều 170 Luật Đất đai năm 2013.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng H.

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thị Út E, chị Nguyễn Đoàn Trúc L phải trả lại diện tích đất 8,9m² theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ký hiệu B tại thửa 139, tờ bản đồ số 32, ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận:

Đông bắc giáp phần đất của ông Lê Hoàng H dài 2,40m + 3,49m + 3,06m + 7,51m + 8,10m + 6,97m.

Tây Nam giáp phần đất của ông Nguyễn Văn C dài 31,51 m.

(Có bản vẽ kèm theo).

Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thị Út E và chị Nguyễn Đoàn Trúc L yêu cầu ông Lê Hoàng H trả lại phần đất có diện tích 2,7m² tọa lạc tại thửa 138, 139 tờ bản đồ số 32, ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thị Út E, chị Nguyễn Đoàn Trúc L có nghĩa vụ xây bức tường trên phần đất của ông Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thị Út E, chị Nguyễn Đoàn Trúc L sao cho không để xảy ra thiệt hại căn nhà của ông C, bà Út E, chị L khi bức tường trên phần đất tranh chấp bị phá bỏ. Mọi thiệt hại do việc không xây dựng trong thời hạn nêu trên hoặc xây dựng không đảm bảo làm ảnh hưởng đến ngôi nhà của ông C, bà Út E, chị L khi bức tường trên phần đất tranh chấp bị phá bỏ sẽ do ông C, bà Út E, chị L chịu trách nhiệm.

Ông Lê Hoàng H bồi thường cho ông Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thị Út E, chị Nguyễn Đoàn Trúc L giá trị tấm tường là 5.083.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí đo đạc, định giá, phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/04/2017 bị đơn là ông Nguyễn Văn C kháng cáo.

Ngày 28/4/2017 nguyên đơn là ông Lê Hoàng H kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo, lời trình bày của bị đơn là ông Nguyễn Văn C tại phiên Tòa phúc thẩm: ông C không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Theo đơn kháng cáo của ông Lê Hoàng H, lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Lê Hồng N tại phiên Tòa phúc thẩm: ông H không đồng ý với bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông H. Ông H không đồng ý bồi thường giá trị bức tường cho ông C và đề nghị công nhận quyền sử dụng diện tích đất đang tranh chấp 8,9m² là của ông H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn trình bày: đề nghị Tòa cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Theo đo đạc thực tế phần đất mà ông C đang sử dụng thiếu 9.5m², của ông H đang sử dụng thiếu 25.6m², cả hai bên đều thiếu. Ông C mua đất của ông H2 đã có vách tường xây dựng sẵn, ông C chỉ xây tấm tường phía ngoài giáp lộ và xây nhà phía sau và diện tích đúng như giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông C được cấp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày: Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, giải quyết về hậu quả để buộc bị đơn trả giá trị bức tường ông C là không có căn cứ. Bởi lẽ, ông C xây dựng nhà là bất hợp pháp. Đề nghị hội đồng xét xử xem xét.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của phía nguyên đơn là có căn cứ. Đề nghị hội đồng xét xử bác kháng cáo của ông Nguyễn Văn C giữ nguyên bản án sơ thẩm số 14/2017/DSST ngày 19/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh luận. Xét kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, ông Lê Hoàng H và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Lê Hoàng H là bà Lê Hồng N yêu cầu hộ ông Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thị Út E, Nguyễn Đoàn Trúc L trả lại phần đất có diện tích $8,9\text{m}^2$ theo kết quả đo đạc thể hiện hình B, có tứ cận:

Đông bắc giáp phần đất của ông Lê Hoàng H dài $2,40\text{m} + 3,49\text{m} + 3,06\text{m} + 7,51\text{m} + 8,10\text{m} + 6,97\text{m}$.

Tây Nam giáp phần đất của ông Nguyễn Văn C dài $31,51\text{m}$.

Trên phần đất có tường nhà của ông Nguyễn Văn C

Ông Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thị Út E và chị Nguyễn Đoàn Trúc L yêu cầu ông Lê Hoàng H trả lại cho ông diện tích $2,17\text{m}^2$ nhưng qua đo đạc thực tế phần đất tranh chấp ông C chỉ đo có diện tích $5,1\text{m}^2$, theo kết quả đo đạc thể hiện hình C-1, có tứ cận:

Đông Bắc giáp phần đất của ông Lê Hoàng H dài $2,42\text{m} + 6,56\text{m} + 7,51\text{m} + 15,08\text{m}$.

Tây Nam giáp phần đất tranh chấp dài $2,40\text{m} + 3,49\text{m} + 3,06\text{m} + 7,51\text{m} + 8,10\text{m} + 6,97\text{m}$.

Xét thấy, phần đất của ông Lê Hoàng H tại thửa 130, 140, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại ấp T, xã N qua đo đạc thực tế có diện tích $212,4\text{m}^2$ nhưng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 1997 có diện tích 238m^2 . Phần đất của hộ ông Nguyễn Văn C tại thửa 138, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại ấp T, xã N qua đo đạc thực tế có diện tích $88,5\text{m}^2$ nhưng theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp năm 2004 có diện tích là 98m^2 . Như vậy, phần đất của ông H và hộ ông C qua đo đạc thực tế đều bị thiếu so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông C cho rằng năm 2001 ông có tranh chấp quyền sử dụng đất, Tòa án nhân dân huyện M1 đã đo đạc chiều ngang đất của ông cạnh giáp lộ dài $3,6\text{m}$, cạnh phía sau nhà dài $2,8\text{m}$ nhưng nay đo đạc lại cạnh giáp lộ chỉ còn $3,41\text{m}$ và cạnh phía sau còn $2,48\text{m}$ nên ông cho rằng đất của ông đã bị mất. Tuy nhiên năm 2001 đo đạc bằng hình thức kéo thước dây nên Tòa cấp sơ thẩm nhận định việc chênh lệch độ dài không thể làm căn cứ giải quyết là phù hợp.

[2] Ông C cho rằng khi ông mua đất của ông Nguyễn Trung H2 đã có vách tường xây sẵn, ông chỉ xây dựng tấm tường phía ngoài và xây nhà phía sau. Tuy nhiên ông H2 và bà K là vợ của ông H2 trình bày không nhớ chính xác hiện trạng đất bán cho ông C. Mặt khác, ông C cung cấp Đơn xin xác nhận chủ quyền nhà ở

ngày 15/9/2004 của Nguyễn Văn C có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã N. Theo đơn xác nhận ông C kê khai có hai phần nhà tường mỗi nhà dài 12m và diện tích hai ngôi nhà là 96m² nhưng trong quá trình giải quyết ông C trình bày khi mua nhà của ông H2 chỉ có phần tường căn nhà giữa. Như vậy, phần trình bày và đơn xác nhận của ông C không phù hợp với nhau nên không thể làm căn cứ giải quyết vụ án.

[3] Ông C và bà N đều trình bày phần ranh trên nóc nhà thống nhất không tranh chấp. Qua khảo sát thực tế và đo đạc hiện trạng đất theo ông C chỉ ranh là đường cong, phần ranh trên nóc nhà là đường thẳng nhưng theo quy định của luật đất đai thì phần ranh từ mặt đất lên phần không gian là đường thẳng. Mặt khác, họa đồ hiện trạng đất năm 1997, năm 2004 và đo chính quy năm 2011 và lời trình bày của bà N, ông C đều thể hiện ranh đất là đường thẳng nên Tòa cấp sơ thẩm nhận định phần đất giáp ranh ông C chỉ là của hộ ông C không có căn cứ là phù hợp.

[4] Theo công văn số 82/ TNMT ngày 02/02/2017 của Phòng tài nguyên môi trường huyện M có nội dung diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Trung H2 là 90m² nhưng khi làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn C diện tích 98m² là do sự thay đổi ranh đất khi đo đạc. Tuy nhiên theo Kết luận giám định số 3084/KL-GĐ ngày 15/9/2016 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh kết luận chữ ký trong biên bản xác định ranh năm 2004 và mẫu chữ ký so sánh không phải là do một người ký. Vì vậy, khi đo đạc để làm thủ tục chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Nguyễn Trung H2 và ông Nguyễn Văn C không có sự thỏa thuận ranh với ông Lê Hoàng H nên Tòa cấp sơ thẩm nhận định không lấy biên bản xác định ranh đất năm 2004 làm căn cứ xác định ranh của ông Lê Hoàng H và hộ ông Nguyễn Văn C là phù hợp.

Từ những nhận định trên, xét thấy Tòa cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng H, buộc hộ ông Nguyễn Văn C trả lại diện tích 8,9m² là có căn cứ và đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Đối với kháng cáo của ông H về phần điều chỉnh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Xét thấy, theo kết quả đo đạc thì toàn bộ 8,9m² đất mà ông H tranh chấp đều nằm ở vị trí trên đất của ông H thuộc thửa 139, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại ấp T, xã N. Ông H tranh chấp chỉ cần buộc ông C giao trả phần đất lại cho ông H. Với phần kháng cáo yêu cầu không phải bồi thường giá trị bức tường. Xét thấy việc ông C xây dựng bức tường không có hành vi ngăn cản của ông H và tháo dỡ thì thiệt hại cho ông C nên án sơ thẩm đã buộc ông H phải hoàn trả là phù hợp. Do đó, kháng cáo của ông H không được chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[6] Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn C và ông Nguyễn Hoàng H phải chịu án phí phúc thẩm.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn C, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Hoàng H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 14/2017/DS – ST ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện M.

Cụ thể tuyên:

Áp dụng Điều 170 Luật Đất đai năm 2013.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hoàng H.

Buộc ông Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thị Út E, chị Nguyễn Đoàn Trúc L phải trả lại diện tích đất 8,9m² theo họa đồ hiện trạng sử dụng đất ký hiệu B tại thửa 139, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre. Có tứ cận:

Đông bắc giáp phần đất của ông Lê Hoàng H dài 2,40m + 3,49m + 3,06m + 7,51m + 8,10m + 6,97m.

Tây Nam giáp phần đất của ông Nguyễn Văn C dài 31,51 m.

(Có bản vẽ kèm theo).

2. Bác yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thị Út E và chị Nguyễn Đoàn Trúc L yêu cầu ông Lê Hoàng H trả lại phần đất có diện tích 2,7m² tọa lạc tại thửa 138, 139 tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại ấp T, xã N, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày tuyên án phúc thẩm, ông Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thị Út E, chị Nguyễn Đoàn Trúc L có nghĩa vụ khắc phục bức tường trên phần đất tranh chấp sao cho không để xảy ra thiệt hại căn nhà của ông C, bà Út E, chị L khi bức tường trên phần đất tranh chấp bị phá bỏ. Mọi thiệt hại do việc không khắc phục trong thời hạn nêu trên hoặc khắc phục nhưng không đảm bảo làm ảnh hưởng đến ngôi nhà của ông C, bà Út E, chị L khi bức tường trên phần đất tranh chấp bị phá bỏ sẽ do ông C, bà Út E, chị L chịu trách nhiệm.

4. Ông Lê Hoàng H bồi thường cho ông Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thị Út E, chị Nguyễn Đoàn Trúc L giá trị tám tường là 5.083.000 đồng.

5. Chi phí đo đạc định giá và chi phí giám định buộc ông Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thị Út E, chị Nguyễn Đoàn Trúc L phải chịu là 3.100.500đồng. Chi phí giám định 3.500.000đồng. Ông Nguyễn Văn C đã nộp là 2.000.000đồng. Ông Lê Hoàng H đã nộp 4.600.500đồng nên ông Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thị Út E, Nguyễn Đoàn Trúc L có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Lê Hoàng H số tiền 4.600.500đồng.

Chi phí đo đạc, định giá, xem xét thẩm định tại chỗ ở cấp phúc thẩm ông C phải chịu là 3.059.000đồng và đã nộp xong.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

6. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn C, bà Đoàn Thị Út E, Nguyễn Đoàn Trúc L phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 4.428.000đồng nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí ông C, bà Út E, chị L đã nộp là 440.000đồng tại biên lai thu số 0009444 ngày 21/12/2015 của Chi cục thi hành án huyện M. Ông C, bà Út E, chị L phải nộp thêm là 3.988.000đồng.

Ông Lê Hoàng H phải chịu án phí phần bồi thường vách tường cho hộ ông Nguyễn Văn C là 254.000đồng nhưng được khấu trừ tạm ứng án phí ông H đã nộp là 1.180.000 đồng tại các biên lai thu số 0020924 ngày 22/4/2015, 0009302 ngày 06/11/2015 của Chi cục thi hành án huyện M. Ông Lê Hoàng H được nhận lại 926.000đồng

7. Án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Văn C phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008415 ngày 21/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

- Ông Lê Hoàng H phải chịu tiền án phí dân sự phúc thẩm 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008429 ngày 03/5/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện M;
- Chi cục THADS huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(đã ký)

Huỳnh Ngọc Dũng